

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Ngọc Bảo C, sinh năm: 1986

Địa chỉ: xã V, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Quang H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: xã V, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C, ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Lưu Ngọc Bảo C trình bày như sau:

Bà Lưu Ngọc Bảo C và ông Vũ Quang H chung sống với nhau từ năm 2008, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2019 thì bà C và ông H phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm cuộc sống, nên cuộc sống của bà C và ông H không hạnh phúc. Bà C và ông H không thể thông cảm

và chia sẻ với nhau trong cuộc sống cũng như không có tiếng nói chung. Hiện bà C và ông H đã sống ly thân và không còn dành tình cảm cho nhau, dẫn tới mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xét thấy tình cảm không còn, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn với ông H.

Về con chung: bà C và ông H có 01 con chung tên Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010. Hiện trẻ B đang sống với bà C, sau ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung trẻ B, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Vũ Quang H trình bày: Ông H và bà C chung sống với nhau từ năm 2008, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà C thì ông H đồng ý.

Về con chung: Ông H và bà C có 01 con chung tên Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010. Hiện trẻ B đang sống với bà C. Ông H đồng ý giao trẻ B cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C; Về quan hệ hôn nhân: Bà C được ly hôn với ông H; Về con chung: Giao trẻ Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: nợ chung: Không có; Về án phí: các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà C nộp đơn xin ly hôn đối với ông H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bà C, ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 223, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2008, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét thấy bà C và ông H đã phát sinh mâu thuẫn trong mối quan hệ, tình cảm vợ chồng. Ông H đồng ý ly hôn với bà C. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông H là có mâu thuẫn, bà C và ông H đã có thời gian sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà C về việc xin được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung:

Bà C và ông H có 01(một) con chung tên Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010. Hiện trẻ B đang chung sống với bà C. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng đồng ý giao trẻ B cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời trẻ B cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lưu Ngọc Bảo C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Ngọc Bảo C đối với ông Vũ Quang H.

Bà Lưu Ngọc Bảo C được ly hôn với ông Vũ Quang H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 223, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lưu Ngọc Bảo C và ông Vũ Quang H có 01(một) con chung tên Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010.

Giao trẻ Vũ Huy Gia B, sinh ngày: 03/8/2010 cho bà Lưu Ngọc Bảo C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Ngọc Bảo C và ông Vũ Quang H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lưu Ngọc Bảo C chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp theo biên lai thu số 0033383 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo pháp luật tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Loan